

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VIỆT XUÂN

DANH SÁCH CON CÁN BỘ-GIÁO VIÊN-NHÂN VIÊN ĐANG HỌC TẠI TRƯỜNG NGUYỄN VIỆT XUÂN
ĐƯỢC GIẢM 50% KINH PHÍ HỌC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG THÁNG 01/2025 - NĂM HỌC 2024-2025
Tháng 01/2025 - thu 3 tuần

STT	HỌ TÊN HỌC SINH	LỚP	HỌ TÊN BỐ (MẸ)	Giáo dục Kĩ năng sống (79.000đ)	Tin học tự chọn (25.000đ) lớp 1, 2	Tin học quốc tế (150.000đ) lớp 3	Tiếng Anh Giao tiếp (180.000đ)	Tiếng Anh Toán - Khoa (550.000đ)	Giáo dục STEM (90.000đ)	3 Câu lạc bộ (210.000đ)	TỔNG GIẢM
1	Bùi Thiên Phú	1/2	Nguyễn Thị Thái	29.625	9.375			206.250	33.750	78.750	357.750
2	Trần Ngọc Quỳnh Thư	1/5	Võ Ngọc Quỳnh	29.625	9.375			206.250	33.750	78.750	357.750
3	Lê Nguyễn Thanh Triết	1/5	Lê Trần Thanh Hải	29.625	9.375			206.250	33.750	78.750	357.750
4	Nguyễn Duy Anh	1/5	Lê Thanh Hoàng	29.625	9.375			206.250	33.750	78.750	357.750
5	Lê Đình Vĩ	1/7	Cao Thị Như Thuyền	29.625	9.375			206.250	33.750	78.750	357.750
6	Nguyễn Ngọc Lan Trinh	2/2	Vũ Thị Mai Liên	29.625	9.375		67.500		33.750	78.750	219.000
7	Bùi Nguyễn Thiên Ân	2/5	Nguyễn Thị Thái	29.625	9.375			206.250	33.750	78.750	357.750
8	Đặng An Như	2/6	Nguyễn Hoàng Kim Nga	29.625	9.375			206.250	33.750	78.750	357.750
9	Đặng Quang Hào	2/6	Nguyễn Hoàng Kim Nga	29.625	9.375			206.250	33.750	78.750	357.750
10	Trần Hoàng Mai	2/7	Hoàng Thị Phương	29.625	9.375			206.250	33.750	78.750	357.750
11	Đào Minh Khôi	3/1	Đình Thị Kim Dung	29.625		56.250		206.250	33.750	78.750	404.625
12	Âu Dương Bảo Cơ	3/2	Phan Nguyễn Thùy Nhiên	29.625		56.250		206.250	33.750	78.750	404.625
13	Nguyễn Ngọc Minh Thư	3/3	Phan Thị Thùy Trang	29.625		56.250		206.250	33.750	78.750	404.625
14	Nguyễn Lê Thiên Tâm	3/3	Lê Thị Thanh Hoà	29.625		56.250		206.250	33.750	78.750	404.625
15	Bùi Gia Nghi	3/3	Nguyễn Vương Bích Ngọc	29.625		56.250		206.250	33.750	78.750	404.625
16	Phạm Lê Trung Quân	3/3	Lê Thị Hiên	29.625		56.250		206.250	33.750	78.750	404.625
17	Đỗ Lê Hồng Phúc	3/3	Nguyễn Thị Phượng	29.625		56.250		206.250	33.750	78.750	404.625
18	Trần Ngọc Quỳnh Anh	4/3	Võ Ngọc Quỳnh	29.625				206.250	33.750	78.750	348.375
19	Lê Hoàng Đăng Huy	4/3	Hoàng Thị Thọ	29.625				206.250	33.750	78.750	348.375
20	Bùi Thiện Nhân	4/4	Nguyễn Thị Út Vân	29.625				206.250	33.750	78.750	348.375
21	Nguyễn Ngọc Lan Anh	4/4	Vũ Thị Mai Liên	29.625				206.250	33.750	78.750	348.375
22	Nguyễn Hoài Khang	4/6	Nguyễn Thị Minh Hiếu	29.625				206.250	33.750	78.750	348.375
23	Vĩ Minh Hằng	4/6	Mai Thị Hường	29.625				206.250	33.750	78.750	348.375

STT	HỌ TÊN HỌC SINH	LỚP	HỌ TÊN BỐ (MẸ)	Giáo dục Kĩ năng sống (79.000đ)	Tin học tự chọn (25.000đ) lớp 1, 2	Tin học quốc tế (150.000đ) lớp 3	Tiếng Anh Giao tiếp (180.000đ)	Tiếng Anh Toán - Khoa (550.000đ)	Giáo dục STEM (90.000đ)	3 Câu lạc bộ (210.000đ)	TỔNG GIẢM
24	Lê Hoàng Anh	5/1	Đình Thị Lợi	29.625				206.250	33.750	78.750	348.375
25	Nguyễn Huỳnh Ái Như	5/1	Nguyễn Thị Lưu Huỳnh	29.625				206.250	33.750	78.750	348.375
26	Nguyễn Linh Thảo Nhi	5/3	Nguyễn Thị Nga	29.625				206.250	33.750	78.750	348.375
27	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	5/3	Lê Thanh Hoàng	29.625				206.250	33.750	78.750	348.375
28	Võ Chí Lâm	5/3	Võ Thị Mười	29.625				206.250	33.750	78.750	348.375
29	Nguyễn Ngọc Phương Anh	5/6	Nguyễn Thị Ngọc Hải	29.625			67.500		33.750	78.750	209.625
30	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	5/6	Nguyễn Thị Ngọc Hải	29.625			67.500		33.750	78.750	209.625
TỔNG GIẢM				888.750	93.750	393.750	202.500	5.568.750	1.012.500	2.362.500	10.522.500

Số HS được giảm KNS	30	888.750
Số HS được giảm Tin học TC	10	93.750
Số HS được giảm Tin học QT	7	393.750
Số HS được giảm TA giao tiếp	3	202.500
Số HS được giảm TA toán khoa	27	5.568.750
Số HS được giảm GD STEM	30	1.012.500
Số HS được giảm Câu lạc bộ	30	2.362.500
Tổng số tiền giảm		10.522.500

Gò Vấp, ngày 30 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Lê Thị Xuân Kim Hiếu